

**CÔNG TY TNHH BẢO LÂM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẢO LÂM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO LAM VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BAO LAM VIETNAM CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108883255

**3. Ngày thành lập:** 30/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, Tòa nhà Diamond Flower, Số 1, Phố Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439918271

Fax:

Email: [baolam.vina@gmail.com](mailto:baolam.vina@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                          | 4610     |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                         | 4631     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                     | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                       | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                   | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                     | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                    | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                     | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                        | 4659     |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                           | 4661     |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng)                                     | 4662     |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                | 4663     |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                      | 4669     |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                           | 4690     |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                      | 4721     |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4722     |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                         | 4723     |
| 18. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 19. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 21. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 23. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763        |
| 24. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764        |
| 25. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn, tem, vàng và tiền kim khí)                                                                     | 4773        |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932        |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)                                                                                            | 5229        |
| 34. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 35. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 36. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621        |
| 37. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                    | 5629        |
| 38. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 39. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                          | 6619(Chính) |
| 40. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                | 7020        |
| 41. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại                                                      | 7490        |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                  | 7710        |
| 43. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730        |
| 44. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                     | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 800.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | QUÁCH ĐÌNH DŨNG | Số 19A, Ngõ 530, Phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | 400.000.000           | 50,000    | 017077000003                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRẦN ANH DŨNG   | P.508 B, Nhà B10, Ngõ 22, phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 400.000.000           | 50,000    | 013377079                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: QUÁCH ĐÌNH DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/12/1977

Dân tộc: *Mường*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017077000003

Ngày cấp: 27/06/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 19A, Ngõ 530, Phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 19A, Ngõ 530, Phố Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội